



Từ sau đại hội VI của Đảng, quan điểm đổi mới kinh tế hình thành và xác định phát triển sản xuất hàng hóa nhiều thành phần kinh tế là có ý nghĩa chiến lược, đã tạo những nguồn sinh khí mới và sự phát triển năng động của kinh tế Việt Nam nói chung, kinh tế TP.HCM nói riêng.

Với kinh tế tư nhân ở Thành phố, sau các nghị định số 27, số 28, số 29 ngày 09.3.1988 và số 146 (1988) của Hội đồng bộ trưởng cho phép mở rộng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Khu vực kinh tế này phát triển mạnh bao gồm một số hình thức tổ chức sau đây:

- Hình thức kinh tế cá thể gồm hộ cá thể và hộ tiểu thủ công nghiệp (xuồng, cửa hàng.v.v.).

- Hình thức kinh tế tư doanh bao gồm xí nghiệp tư doanh, sau khi có Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân là xí nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn (Cty TNHH), công ty cổ phần.v.v..

- Hình thức kinh tế hợp tác xã, tổ hợp, nhóm kinh doanh.

Những năm gần đây, phần đóng góp của khu vực kinh tế tư doanh vào tổng sản phẩm xã hội tại TP.HCM ngày càng tăng. Khu vực này chiếm từ 30% đến 40% giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và từ 60% đến 70% trong ngành thương mại - dịch vụ.

1. Số cơ sở và vốn đầu tư tư nhân

Từ năm 1975 đến 1988, do kết quả của quá trình cải tạo kinh tế nhằm xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chuyển sang chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nền kinh tế tư nhân ở Thành phố thu hẹp đáng kể so với trước năm 1975.

Giai đoạn từ 1988 đến 1991, kinh tế tư nhân bước đầu khôi phục, dù còn rất hạn chế về số lượng cũng như kết quả hoạt động. Chỉ từ sau tháng 1.1991, khi Luật công ty và Luật doanh nghiệp được ban hành, tình hình phát triển cũng như đầu tư tư nhân mới chuyển sang bước phát triển mới.

a. Theo hình thức tổ chức:

- + Tính đến cuối tháng 7.1993, trên địa bàn Thành phố đã có 1.549 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tổ chức với các

hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Luật công ty được thành phố cấp giấy phép hoạt động với tổng số vốn đăng ký 1.160,78 tỷ đồng. Như vậy, chỉ tính riêng số lượng cơ sở đăng ký ở Thành phố đã gấp 22 lần so với Hà Nội và 50 lần so với Hải Phòng. Trong đó, công ty TNHH có 1.130 (chiếm 70% số cơ sở), công ty cổ phần 48 (3% số cơ sở) và doanh nghiệp tư nhân có 371 (24% số cơ sở).

So sánh sự phát triển về số lượng qua các thời kỳ thì công ty TNHH cũng tăng nhanh nhất, năm 1992 gấp 279 lần năm 1991, 7 tháng đầu năm 1993 gấp 281,5 lần năm 1991. Kế đó là doanh nghiệp tư nhân, năm 1992 gấp 157 lần 7 tháng đầu năm 1993 gấp 203 lần so với năm 1991.

- + Về quy mô vốn đăng ký bình quân nói chung mỗi cơ sở là 479 triệu đồng. Trong đó công ty TNHH chiếm 67,4%, công ty cổ phần chiếm 26% và doanh nghiệp tư nhân chiếm 6,6%. Vốn bình quân mỗi công ty TNHH là 691,9 triệu đồng, công ty cổ phần là 6.289,7 triệu đồng và doanh nghiệp tư nhân là 207 triệu đồng.

Như vậy, về số lượng cơ sở thì công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều nhất và cũng phát triển nhanh nhất, kế đó là doanh nghiệp tư nhân. Nhưng vốn bình quân một cơ sở thì mỗi công ty cổ phần có lượng vốn cao hơn cả, bằng 10 lần công ty trách nhiệm hữu hạn và 30 lần doanh nghiệp tư nhân.

Số liệu thống kê cho thấy, đến 6 tháng đầu năm 1993 toàn Thành phố có 95,8% có mức vốn từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, trong đó tập trung cao ở loại có vốn đầu tư từ 100 triệu đến 500 triệu đồng (chiếm 57,7% số cơ sở), loại có vốn từ 1 tỷ đến 5 tỷ đồng có 155 cơ sở và chiếm tỷ trọng vốn lớn nhất trong tổng số vốn (30%). Một số cơ sở có số vốn cao vượt lên từ 20 tỷ đồng là Bitis, Exim Bank, Công ty may xuất khẩu Huy Hoàng, Hunsan và các ngân hàng cổ phần. Cơ sở có số vốn đăng ký thấp nhất là 20 triệu đồng.

Có thể rút ra mấy vấn đề từ số liệu trên như sau:

- Hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân phát triển nhanh hơn công ty cổ phần. Theo dự đoán, trong tương lai, đến năm

2000, hai hình thức tổ chức này vẫn tiếp tục phát triển nhanh nhất về số lượng cơ sở. Vì nó phù hợp với vốn và khả năng quản lý của cơ sở.

- Phần lớn các cơ sở thuộc loại vừa và nhỏ, số cơ sở quy mô lớn chưa nhiều.

Điều này có thể do mấy nguyên nhân chính sau đây:

- Người đầu tư tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước nhưng chưa hoàn toàn, khi hệ thống pháp luật còn chưa đầy đủ, nhất là luật khuyến khích đầu tư trong nước. Do đó họ chưa dám tung hết vốn và huy động vốn để đầu tư quy mô lớn.

- Khả năng thu hút vốn trong dân cư của các doanh nghiệp còn yếu.

- Do trình độ quản lý của chủ doanh nghiệp, không đủ khả năng điều hành sản xuất - kinh doanh trên quy mô lớn.

- Cũng có thể do cả 3 nguyên nhân trên.

Ở đây có điều cần quan tâm là số vốn và số cơ sở đăng ký theo số liệu thống kê như trên vẫn thấp hơn nhiều so với số vốn và cơ sở thực tế hoạt động. Theo đánh giá của những

ĐẦU TƯ TƯ NHÂN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THANH HẢI

BÍ THƯ QUẬN ỦY QUẬN 5 TP.HỒ CHÍ MINH

người có trách nhiệm thì vốn trong thực tế hoạt động của các doanh nghiệp cao hơn từ 15 đến 20 lần so với vốn đăng ký.

Nguyên nhân của thực tế này có thể là:

- Về phía doanh nghiệp, thì **thứ nhất** là nhằm trốn thuế. Để hạn chế tiêu cực này, một mặt phải nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất của cán bộ nhân viên ngành thuế nhằm đáp ứng được những đòi hỏi của công tác thuế trong cơ chế thị trường. Mặt khác, xây dựng biểu thuế, suất thuế hợp lý cho các loại hình doanh nghiệp, ngành nghề. **Thứ hai**, do sợ bị quy chụp là tư sản, đây là tâm lý của một số doanh nhân mà cho tới tận thời điểm này vẫn chưa giải tỏa hết. **Thứ ba**, là nguyên nhân tích cực, do những phát sinh mới cần mở rộng đầu tư, đa dạng hóa ngành nghề, mặt bằng trong sản xuất - kinh doanh, v.v.. Về phương diện này, các cơ quan chức năng cần tạo điều kiện để họ kê khai, đăng ký nhanh chóng, thuận lợi, đáp ứng yêu cầu muốn phát triển sản xuất của cơ sở. Đồng thời, đội ngũ thuế phải vươn lên nắm bắt được sự phát triển của doanh nghiệp để hạn chế việc thất thu thuế.

b. Theo ngành nghề:

+ Số lượng cơ sở, công ty tư nhân đăng ký hoạt động ở nhiều ngành nghề, nhưng tập trung nhiều nhất là thương nghiệp có 50%, công nghiệp có 33%. Hai ngành này chiếm tới 83% số cơ sở và 65% tổng số vốn. Kế đó là các ngành xây dựng, tài chính ngân hàng, vận tải, nhà ở. Thấp nhất là y tế, nông nghiệp (có từ 1 đến 4 cơ sở).

Tình hình phát triển của các ngành thể hiện qua biểu sau:

Ngành	1991	1992	1993
Tổng số:	19	35	775
- Công nghiệp	4	290	210
- Xây dựng	-	85	81
- Giao thông - Vận tải	-	13	16
- Thương nghiệp	9	321	437
- Tài chính	6	15	5

Qua phân tích sơ bộ cho thấy số cơ sở của ngành thương nghiệp phát triển nhanh nhất, năm 1992 tăng 35,6 lần, 7 tháng đầu năm 1993 tăng 49,6 lần so với năm 1991. Kế đó là cơ sở ngành công nghiệp.

+ Về quy mô vốn theo ngành nghề, bình quân một cơ sở công nghiệp là 779 triệu đồng, xây dựng là 778 triệu đồng, nông nghiệp là 150 triệu đồng, giao thông vận tải là 160 triệu đồng, thương nghiệp là 460 triệu đồng và tài chính ngân hàng là 7.704 triệu đồng.

Ngành có vốn đăng ký cao nhất là công nghiệp, chiếm 30,8%. Nhưng quy mô vốn bình quân một cơ sở thì ngành tài chính ngân hàng cao nhất, bằng 10 lần doanh nghiệp công nghiệp, xây dựng; 16,7 lần một cơ sở thương nghiệp.

2. Vài nhận định tình hình đầu tư tư nhân

- Ngành thương nghiệp có số cơ sở nhiều và có xu hướng tăng nhanh, vì một mặt yêu cầu vốn đầu tư vào lĩnh vực này thấp, chu chuyển vốn nhanh, lợi nhuận cao lại dễ chuyển hướng và đa dạng hóa mặt hàng trong quá trình kinh doanh. Mặt khác, hoạt động thương nghiệp không đòi hỏi ngất ngèo về chuyên môn - nghiệp vụ, trình độ kỹ thuật, tư liệu sản xuất, v.v.. như những

ngành hàng khác.

- Ngành tài chính ngân hàng do tính chất là một ngành kinh doanh tiền tệ, đòi hỏi vốn lớn, phải dự kiến khá chính xác những biến động của nền kinh tế, tình trạng lạm phát, khả năng huy động và cho vay vốn, v.v.. Tóm lại, đây là lĩnh vực hoạt động phức tạp, do vậy số cơ sở trong ngành này tăng chậm.

- Trong công nghiệp, tập trung nhiều vào may thuê xuất khẩu, chế biến lương thực - thực phẩm, hàng nhựa gia dụng và một số ngành nghề truyền thống khác. Vì hoạt động trong những lĩnh vực này có hệ số sử dụng lao động cao, tận dụng được lương công nhân thấp nhưng hệ số vốn đầu tư và hệ số kỹ thuật thấp. Điều này phù hợp với trình độ kỹ thuật, tay nghề, vốn của cơ sở và tình trạng nhiều lao động chưa có việc làm trong xã hội.

a. Về thời gian và địa điểm đầu tư: Hoạt động của các cơ sở có thời gian đăng ký từ dưới 5 đến 30 năm. Cụ thể là 3 đến 5 năm có 3%, 6 đến 10 năm có 16%, 11 đến 20 năm có 65% và 21 đến 30 năm có 10% số cơ sở đăng ký hoạt động. Như vậy, thời gian hoạt động của các doanh nghiệp từ 10 đến 20 năm chiếm số lượng lớn nhất trong số các cơ sở hoạt động.

Trên địa bàn Thành phố, trừ huyện Cần Giuộc, còn lại tất cả quận - huyện đều có các công ty, doanh nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động nhưng phần lớn tập trung ở các quận nội thành. Trong đó, các quận 1, 3, 5, 11 và Tân Bình chiếm trên dưới 60% số cơ sở trên Thành phố. Huyện có số cơ sở thấp nhất (1 cơ sở) là Củ Chi.

Ở một số quận như quận 3, vốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân tăng nhanh từ cuối năm 1992, chỉ tính riêng trong khu vực sản xuất, 6 tháng đầu năm 1993 đạt 49,6 tỷ đồng (tăng 2 lần so với năm 1991).

Trên địa bàn quận 5, vốn đầu tư ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn cả trong công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Chỉ tính riêng trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp của phòng công nghiệp quận năm 1991 so với năm 1990 tăng 3,9%, năm 1992 so với năm 1991 tăng 54,6% (chỉ tính ngoại tệ) và 6 tháng đầu năm 1993 tăng gần 100% so với cùng kỳ năm 1992.

Quận 11, năm 1992 đầu tư tư nhân là 300 tỷ đồng, thì 6 tháng đầu năm 1993 đã là 130 tỷ đồng.

b. Qua phân tích trên, dù số liệu thống kê trên toàn địa bàn Thành phố chưa đầy đủ, nhưng vẫn có thể kết luận rằng vốn đầu tư tư nhân ngày càng tăng cả về quy mô, số lượng cơ sở, phát triển ngành nghề, mặt hàng, v.v. Ước tính năm sau tăng từ 50% đến 70% so với năm trước. Đặc biệt ở một số quận như quận 5, quận 11, quận Tân Bình, đã bắt đầu hình thành những cụm công nghiệp. Một số công ty như Ngân hàng Việt - Hoa có xu hướng phát triển thành tập đoàn hoạt động ở 3 ngành chủ chốt là ngân hàng, xây dựng và vàng bạc đá quý.

Theo dự đoán, những tập đoàn tương tự như Ngân hàng Việt - Hoa sẽ tiếp tục được hình thành và xuất hiện trong thời gian tới, khi có luật khuyến khích đầu tư trong nước. Nhà nước cần sớm ban hành luật khuyến khích đầu tư trong nước sẽ tạo động lực lớn để người đầu tư càng tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, mạnh dạn tung hết vốn và ra sức huy động vốn để đầu tư với quy mô ngày càng lớn hơn.

Theo số liệu của Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 8.1993

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 9

